

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LMDGROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LMDGROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LMDGROUP GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110700910

**3. Ngày thành lập:** 02/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

118 Đường Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0372129221

Fax:

Email: [dungnganhang1@gmail.com](mailto:dungnganhang1@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hoá<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                     | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                            | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                               | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                               | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                             | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                              | 4649(Chính) |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán trang thiết bị y tế loại A, B, C                                                                                                                        | 4659        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>(loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản) | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>Phòng khám đa khoa<br>Phòng khám nội tổng hợp;<br>Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội;<br>Phòng khám chuyên khoa tai - mũi - họng<br>Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ<br>Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ<br>Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt | 8620 |
| 10. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp, gồm: Sử dụng phương pháp vật lý trị liệu để xoa bóp (massage), tắm quất phục vụ sức khỏe con người.                                                                                                                                              | 9610 |
| 11. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9631 |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản<br>(Trừ hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, hoạt động tư vấn pháp luật bất động sản)                                                                                                                                                  | 6810 |
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(trừ tư vấn pháp luật bất động sản)<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản                                                                                                                            | 6820 |
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690 |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4711 |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4721 |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4722 |
| 18. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4723 |
| 19. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2100 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử<br>(trừ hoạt động đấu giá, không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tuyến)                                                                                      | 4791 |
| 21. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                     | 4799 |
| 22. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(trừ sản xuất răng giả)<br>Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế loại A, B, C                                                                                                               | 3250 |
| 23. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Cơ sở bán lẻ thuốc, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 35.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.580.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>VĂN CỬU  | Số 77/12/470<br>Đường Nguyễn<br>Trãi, Phường<br>Thanh Xuân<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 107.400       | 1.074.000.000            | 3,000        | 0310710066<br>84                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Tổng số                            | 107.400       | 1.074.000.000            | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>HỒNG SƠN | Khối Bình Minh,<br>Phường Nghi<br>Thủy, Thị xã Cửa<br>Lò, Tỉnh Nghệ<br>An, Việt Nam                                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 107.400       | 1.074.000.000            | 3,000        | 0400840058<br>80                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           | Tổng số                            | 107.400       | 1.074.000.000            | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                                              |                                    |               |                |        |                  |
|---|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|
| 3 | LƯƠNG<br>MẠNH DŨNG | 12 Ngách 164/42<br>Phố Hồng Mai,<br>Phường Quỳnh<br>Lôi, Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.365.2<br>00 | 33.652.000.000 | 94,000 | 0340840060<br>16 |
|   |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                              | Tổng số                            | 3.365.2<br>00 | 33.652.000.000 | 94,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                              |                                    |               |                |        |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯƠNG MẠNH DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 12/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034084006016

Ngày cấp: 24/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 12 Ngách 164/42 Phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 12 Ngách 164/42 Phố Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội